TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2023/DS-PT
Ngày: 20/9/2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Nhuận;

Bà Cao Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2023/TLPT-DS ngày 17/7/2023, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2023/QĐ-PT ngày 03/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quách Mỹ L; Sinh ngày: 01/01/1960; Địa chỉ cư trú: Số C, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lý Bình Đ; Sinh ngày: 06/3/1977; Địa chỉ cư trú: Số C, đường N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền lập ngày 18/8/2023. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị K; Sinh ngày: 15/9/1953; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn D; Sinh ngày: 11/7/1955; Địa chỉ cư trú: Số G, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền lập ngày 23/6/2023. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Dương Thị K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Vào năm 2012, bà Dương Thị K và chồng là ông Phạm Ngọc K1 có vay của bà Quách Mỹ L nhiều lần với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán lúa, lãi suất hai bên thỏa thuận là 100.000.000 đồng, thời gian trả tiền gốc và lãi khi hết vụ lúa năm 2012, khi vay chỉ thỏa thuận với nhau bằng lời nói không lập thành văn bản. Sau khi vay bà K, ông K1 không thanh toán tiền cho bà L theo thỏa thuận. Đến năm 2014, ông K1, bà K hứa với bà L sẽ trả dần theo mỗi vụ lúa là 200.000.000 đồng từ tháng 4/2014 đến tháng 8/2015 là đủ số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và sau đó sẽ trả cho bà L thêm 100.000.000 đồng tiền lãi và bà K, ông K1 có làm biên nhận cho bà L. Sau đó, ông K1, bà K có trả cho bà L nhiều lần, đến năm 2017 ông K1 chết thì bà K vẫn tiếp tục trả nợ cho bà L đến tháng 3/2018 với tổng số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Sau đó, vào mỗi vụ lúa hàng năm bà L có yêu cầu bà K thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng bà K nói lúa thất mùa xin hẹn mùa lúa sau sẽ trả, cứ tiếp tục như vậy nhưng bà K không trả cho bà L. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Dương Thị K có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày như sau:

Bà K thừa nhận vào năm 2012 bà K và chồng là ông Phạm Ngọc K1 có vay của bà Quách M Lắm số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, mục đích vay để mua bán lúa, hai bên thỏa thuận hàng năm trả gốc 200.000.000 đồng, lãi trả hàng tháng, khi vay không có làm hợp đồng bằng văn bản. Sau khi vay, hàng năm bà K đã trả tiền gốc đầy đủ theo thỏa thuận, cụ thể đã trả từ năm 2013 đến năm 2017 số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi trả theo thỏa thuận nhưng trả không đầy đủ và còn nợ số tiền lãi đến năm 2017 là 160.000.000 đồng. Vào năm 2017, ông K1 chết thì còn nợ bà L số tiền gốc 200.000.000 đồng. Đến tháng 12/2017, bà K đã trả cho bà L số tiền gốc là 200.000.000 đồng, còn phần tiền lãi thì bà K tiếp tục trả nhiều lần cho bà L đến năm 2021 là 70.000.000 đồng, hiện nay chỉ còn nợ số tiền lãi là 90.000.000 đồng. Do tin tưởng với nhau nên các thời điểm trả nợ cho bà L thì không làm giấy tờ giao nhận tiền, chỉ có bà K và bà L giao nhận tiền với nhau tại nhà của bà L không có ai chứng kiến. Nay ông K1 đã chết thì đối với khoản nợ bà L thì bà K thống nhất một mình trả nợ cho bà L, không có liên quan đến các con chung của bà K và ông K1. Tuy nhiên, theo bà L khởi kiện cho rằng bà K còn nợ số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng, hiện nay bà K chỉ còn nợ 90.000.000 đồng tiền lãi và tại buổi hòa giải ấp bà L cũng thừa nhận bà K chỉ còn nợ 160.000.000 đồng. Nếu bà L có giấy tờ gì chứng minh bà K còn nợ số tiền gốc là 500.000.000 đồng như bà L khởi kiện thì bà K thống nhất chỉ một mình chịu trách nhiệm trả và không yêu cầu các con chung của bà K và ông K1 cùng có nghĩa vụ trả nợ.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sư sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 274, Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách M L. Buộc bị đơn bà Dương Thị K hoàn trả cho nguyên đơn bà Quách M L số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Quách M L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Dương Thị K phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 16/6/2023, bị đơn bà Dương Thị K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xác định bà K chỉ còn nợ bà Quách M L số tiền 160.000.000 đồng; đồng thời, xem xét trình tự tố tụng về việc cấp sơ thẩm không đưa những người con của ông Phạm Ngọc K1 vào tham gia tố tụng trong vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn bổ sung nội dung kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, không đưa những người con của bị đơn và ông K1 tham gia tố tụng và cần phải giám định biên nhận nợ do ông K1 và bà K lập. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng là không có căn cứ vì nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh bà K còn nợ lại 500.000.000 đồng và tại hòa giải cơ sở thì bà Quách M L cũng thừa nhận bà K còn nợ 160.000.000 đồng nhưng hòa giải không thành vì bà K xác định chỉ còn nợ lại tiền lãi là 90.000.000 đồng.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Trong vụ án này, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị K thanh toán khoản nợ vay của vợ chồng bà K và bà K thống nhất

chịu trách nhiệm trả nếu nguyên đơn có chứng cứ chứng minh bà K còn nợ nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản là đúng quy định và không đưa các con của ông K1 và bà K vào tham gia tố tụng trong vụ án là đúng với quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị đơn về việc yêu cầu giám định biên nhận nợ do bị đơn và ông K1 lập là không cần thiết, vì bà Quách Mỹ L và bà K đã thống nhất thừa nhận vợ chồng bà K, ông K1 có vay của bà M Lắm số tiền 1.000.000.000 đồng vào năm 2012. Phía bà K xác định chỉ còn nợ lại bà Quách M L số nợ lãi là 90.000.000 đồng là không có cơ sở vì bà K không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc thanh toán nợ cho bà Mỹ L mà bà M Lắm chỉ thừa nhận bà K đã trả 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 15/12/2022 thì bà Mỹ L xác định bà K còn nợ lại 160.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 500.000.000 đồng là chưa đánh giá toàn diện chứng cứ và kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị K nộp trực tiếp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 16/6/2023 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bổ sung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định người tham gia tố tụng trong vụ án: Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Quách M L yêu cầu bà Dương Thị K hoàn trả khoản nợ mà bà Dương Thị K cùng chồng là ông Phạm Ngọc K1 đã vay của bà L. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm thì bà K xác định ông K1 đã chết vào năm 2017, nếu bà L có tài liệu, chứng cứ chứng minh về khoản nợ của bà K

và ông K1 thì bà L sẽ hoàn trả khoản nợ này và không đề nghị các con chung của bà K và ông K1 cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và xác định người tham gia tố tụng trong vụ án gồm có nguyên đơn là bà Quách Mỹ L và bị đơn là bà Dương Thị K là phù hợp với quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, bị đơn Dương Thị K kháng cáo yêu cầu đưa các con chung của bà K và ông K1 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Mỹ L, về việc yêu cầu bị đơn bà Dương Thị K hoàn trả khoản nợ gốc đã vay là 500.000.000 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Quách Mỹ L và bị đơn bà Dương Thị K thống nhất xác định vào năm 2012, bà K và chồng là ông Phạm Ngọc K1 có vay của bà L số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán lúa; đồng thời, cả bà L và bà K đều thừa nhận việc bà K và ông K1 làm biên nhận cho bà L trên tờ giấy tập học sinh mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm (bút lục 29). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định bà K cùng chồng là ông K1 có vay của bà L số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng vào năm 2012 là có cơ sở. Đồng thời, việc giám định biên nhận nợ do bà K và ông K1 lập là không cần thiết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị đơn về việc giám định biên nhận nợ.

[5] Bà K xác định đã nhiều lần trả nợ cho bà L và đã thanh toán xong khoản nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và đến nay chỉ nợ lại bà L tiền lãi là 90.000.000 đồng nhưng khi giao trả tiền thì hai bên không có làm biên nhận, không có người chứng kiến và bà L không thừa nhận việc này mà chỉ thừa nhận bà K đã thanh toán nợ gốc nhiều lần tổng cộng là 500.000.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải cơ sở do Tổ hòa giải ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng lập ngày 15/12/2022 (bút lục số 32-35) và tại các Biên bản xác minh do Tòa án nhân dân huyện Long Phú lập ngày 23/5/2023 (bút lục số 63-67) thể hiện bà L xác định bà K còn nợ gốc 500.000.000 đồng và đồng ý nhận 160.000.000 đồng nếu bà K trả nhưng hai bên hòa giải không thành do bà K chỉ đồng ý hoàn trả 90.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà K còn nợ lại bà L khoản nợ gốc là 500.000.000 đồng là có cơ sở.

[6] Xét bà L khởi kiện yêu cầu bà K thanh toán khoản nợ chung của vợ chồng bà K, ông K1 vì ông K1 đã chết vào năm 2017 và bà K cũng đồng ý trả nợ cho bà L, không yêu cầu các con của ông K1 chịu trách nhiệm trả nợ nếu bà L có chứng cứ chứng minh bà K còn nợ bà L và như phân tích ở trên thì có cơ sở xác định bà K còn nợ lại bà L khoản nợ gốc là 500.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà K có nghĩa vụ trả cho bà L khoản nợ gốc là 500.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 274, Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bị đơn bà Dương Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng bà K là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị K đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

* Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng và phần Quyết định được tuyên lại như sau:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 274, Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách M L. Buộc bị đơn bà Dương Thị K hoàn trả cho nguyên đơn bà Quách M L số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Quách M L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Dương Thị K phải trả lãi cho bà L đối với khoản tiền gốc chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Quách Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Dương Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Dương Thị K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- TAND huyện L (02 bản);
- Chi cục THADS huyện L (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu: VP, HS (05 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vũ